

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v: “ *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con* ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Phương

2. Bà Dương Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1546/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 1629/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: I ấp A, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1983; Địa chỉ: I ấp A, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01/2007 ngày 18 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nguyên nhân do anh H1 ngoại tình và thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân chị đã cho anh H1 nhiều

cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả. Do không thể tiếp tục chung sống được nữa nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/7/2008 và Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11/12/2016. Ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bận công việc nên chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét thấy chị H và anh H1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01/2007 ngày 18 tháng 12 năm 2007, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc dẫn tới vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Do không có khả năng đoàn tụ nên chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H1. Về con chung: Chị H đề nghị giải quyết giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/7/2008 và Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11/12/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận nên không xét; Về nợ chung: Chị H khai không có nên đề nghị không xét.

Quá trình giải quyết vụ án anh H1 được tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Căn cứ các điều 8, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Anh H1 hiện sinh sống và đăng ký thường trú tại 930 ấp A, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim H, bị đơn là anh Nguyễn Văn H1.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2007 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01/2007 ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã P cấp nên căn cứ Điều 8, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị H tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, mỗi người đều có một cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Về phía anh H1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 liên tục vắng mặt thể hiện việc anh H1 không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị H khai chị H và anh H1 trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/7/2008 và Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11/12/2016. Ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Xét thấy cả hai con chung được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi ly thân cho đến nay. Hơn nữa các con đều có nguyện vọng ở với chị H. Về phía anh H1, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến cũng như không tranh chấp gì. Do đó, xét thấy việc giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

3.3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xét.

3.4. Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con ” với anh Nguyễn Văn H1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/7/2008 và Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng cho con/

Anh H1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0018045 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐK KH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Thức